

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Nguyễn Thùy Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị M, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn X, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình; *Có mặt*

- *Bị đơn:* Anh Phạm T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình; *Vắng mặt lần thứ 2*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Mai trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm T đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vì lý do anh T thường xuyên đánh đập, ngược đãi chị và không quan tâm gì đến cuộc sống của mẹ và con. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng lẫn nhau và các bên đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, chị M nhận thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị M khai nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Lan A, sinh ngày 02/11/2010 và Phạm Ngọc Anh H, sinh ngày 05/7/2018. Trong khoảng thời gian vợ chồng mới sống ly thân nhau thì cả hai con đều ở với chị, nhưng từ khoảng tháng 01/2021 cho đến nay thì cháu A thường xuyên đến ở với anh T và hiện tại cháu A có nguyện vọng được ở với bố nên chị đồng ý với nguyện vọng của con. Vì vậy, sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Anh H và giao cháu Phạm Thị Lan A cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Phía bị đơn anh Phạm T*: Tại thời điểm nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị M đã gửi các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để thông báo cho anh T được biết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã phối hợp với UBND xã Lâm Trạch tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho anh T, nhưng anh T không nhận và có ghi vào biên bản giao nhận là “*Không đồng ý ký, không ký*” (BL: 27). Do anh T cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, cho nên Tòa án đã thực hiện tổng đạt bằng hình thức niêm yết giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi anh T cư trú theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập mà không có lý do và cũng không có ý kiến gì bằng văn bản gửi cho Tòa án. Vì lý do anh T cố tình trốn tránh và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cho nên Tòa án tiến hành lập biên bản không thể tiến hành hòa giải được, đồng thời ban hành và niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt anh T lần thứ hai theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi bị đơn cư trú. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết yêu cầu của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn anh Phạm T cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt tất cả các buổi làm việc, cho nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để thông báo cho anh T được biết. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Chị Đoàn Thị M và anh Phạm T có đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn lần 2, số 20 quyền số: 01/2012 (BL: 02). Vì vậy, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt nên không có ý kiến gì, còn theo lời khai của chị M thì do anh T nhiều lần đánh đập, ngược đãi chị và không quan tâm gì đến con cái, cho nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Hiện tại, giữa các bên không ai còn quan tâm gì đến nhau, bỏ mặc nhau trong một thời gian dài, đời sống hôn nhân không còn tồn tại nên chị M giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh T. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T biết được chị M có yêu cầu ly hôn, nhưng cố tình trốn tránh đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ ý kiến gì, đã phản nào thể hiện được thái độ bỏ mặc của anh T đối với hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự phai nhạt khó có thể hàn gắn, đời sống chung hiện tại của các đương sự không còn tồn tại, cho nên yêu cầu của chị M được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo các giấy khai sinh đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì đã có đủ cơ sở xác định giữa các đương sự đã có 02 con chung theo như lời khai nhận của chị M. Xét thấy, cháu A đã có ý kiến bằng văn bản với nguyện vọng được ở với anh T khi bố mẹ ly hôn nhau (BL:34) và nguyện vọng của chị M được nuôi cháu H vì con còn nhỏ là phù hợp với độ tuổi, số con chung của các bên cũng như quyền nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao cháu Phạm Thị Lan A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Ngọc Anh H cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không bên nào phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau theo ý kiến của chị M. Tuy nhiên, vì quyền lợi của con các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu, anh T không có ý kiến gì, cho nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và các

Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị M ly hôn anh Phạm T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Phạm Thị Lan A, sinh ngày 02/10/2010 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Ngọc Anh H, sinh ngày 05/7/2018 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị M phải chịu nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000629 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đương sự đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/8/2021); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Cục THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND xã C, huyện B;
- (GCNKH số 20, quyền số 01/2012, ngày 29/3/2021)
- Các đương sự;
- Niêm yết;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải Nguyễn Thùy Hương

Trần Trung Thành

